

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v: “Đòi lại tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thủy

2. Bà Lê Hoàn Sinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST- DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định ngừng phiên tòa số: 03/QĐST DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc Th, sinh năm 1975 (Có mặt)

Chị Lê Thị N, sinh năm 1976

Đều có địa chỉ: Thôn Mai Ch, xã Đông N, huyện Đông S, Thanh Hóa.

Người được ủy quyền của chị Lê Thị N là: Anh Lê Ngọc Th, sinh năm 1975 (Có mặt); Địa chỉ: Thôn Mai Ch, xã Đông N, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1975 (Có mặt)

Chị Trần Thị L, sinh năm 1979 (Có mặt)

Đều có địa chỉ: thôn Tân Ch, xã Đông N, huyện Đông S, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 và bản tự khai nguyên đơn anh Lê Ngọc Th (anh Lê Ngọc Th cũng đồng thời là người được chị Lê Thị N ủy quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án) trình bày:*

Qua mối quan hệ quen biết, nên ngày 28/12/2015 vợ chồng ông (Lê Ngọc Th chị Lê Thị N) có cho vợ chồng ông Phạm Ngọc T và chị Trần Thị L vay tiền. anh T, chị L có viết giấy vay tiền để vay vợ chồng anh số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/6/2016. Vợ chồng anh T, chị L cam kết sẽ có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền

cho vợ chồng anh. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn 6 năm nhưng vợ chồng anh T, chị L chỉ trả cho vợ chồng anh được số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn). Số tiền còn lại 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) vợ chồng anh T, chị L vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng anh mặc dù vợ chồng anh đã đề nghị trả nhưng anh T, chị L trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh, mặc dù đã hết thời hiệu khởi kiện hợp đồng vay nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 thì vợ chồng anh yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của mình với số tiền trên là trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Anh Th chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp đòi tài sản và buộc anh T, chị L phải trả cho vợ chồng anh tổng số tiền nợ gốc là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày:*

Anh Phạm Ngọc T và vợ là Trần Thị L có vay của vợ chồng anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/6/2016, vay không tính lãi. Đến nay vợ chồng anh đã trả được số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn). Hiện nay vợ chồng anh còn nợ anh Th, chị N số tiền là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Nay vợ chồng anh Th, chị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả nợ số tiền còn lại là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) nhưng hiện nay vợ chồng anh đang rất khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên. Ngày 09/02/2023,

Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn đã tiến hành xác minh tại thôn Tân Chính, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn thì được ông Nguyễn Xuân H – trưởng thôn Tân Ch, xã Đông N báo cáo: Hiện nay chị L không có nhà mà đi làm ăn xa thì thoảng mới về, chị L làm gì và ở đâu chị L không báo cáo nên ông không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L đi là ăn thi thoảng mới về Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho chị Trần Thị L, anh T (chồng chị L) nhận thay các văn bản mà Tòa án giao cho chị L, anh T cũng đã thông báo cho chị L và chị L đã được biết và Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai tại thôn và UBND xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Trần Thị L không đến Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn để giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn anh Lê Ngọc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn anh T chị L.

- Tại phiên tòa bị đơn chị L có mặt và trình bày:

Chị Trần Thị L đã thừa nhận việc vợ chồng chị có vay tiền của vợ chồng anh Lê Ngọc Th số tiền là 220.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/6/2016 là đúng. Vợ chồng chị có viết giấy vay tiền cho ông Lê Ngọc Th và chị Lê Thị N (vợ anh Th) đúng như giấy vay nợ của ông Lê Ngọc Th cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn. Trên giấy vay tiền đã thể hiện đúng số tiền vay, đầy đủ thông tin về địa chỉ của vợ chồng ông Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L

và không có lãi suất. Chị đi làm ăn xa, thi thoảng mới về, chị không thông báo địa chỉ hiện tại nơi chị làm cho vợ chồng ông Lê Ngọc Th được biết. Nay do điều kiện vợ chồng chị làm ăn khó khăn nên chưa có tiền để trả cho vợ chồng anh Th được.

Ý kiến của kiểm sát viên: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án Triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng chị L vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là vi phạm quy định tại các Điều 70 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 06/4/2023 nguyên đơn có mặt, bị đơn chị L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày 17/5/2023 thì chị L có mặt tại phiên tòa để xét xử.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 165 - Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 155, 166, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N.
- Buộc anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L phải trả cho anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N tổng số tiền là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Về án phí : Anh Phạm Ngọc T và chị Trần Thị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lê Ngọc Th và chị Lê Thị N cho vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L vay tổng số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/6/2016 thời hạn vay từ ngày 28/12/2015 đến 28/6/2016, cho vay không tính lãi suất. Đến nay vợ chồng anh đã trả được số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn). Hiện nay vợ chồng anh còn nợ anh Th, chị N số tiền là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tính đến thời điểm khởi kiện, ông Lê Ngọc Th bà Lê Thị N đã tự xác định thời hiệu khởi kiện hợp đồng vay đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Ngọc T, bà Trần Thị L phải trả lại khoản tiền nợ gốc cho vợ chồng anh. Do đó, Tòa án xác định đây là quan hệ “Đòi tài lại sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn anh Phạm Ngọc T, bà Trần Thị L đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Ch, xã Đông N, huyện Đông S, Thanh Hóa. Nguyên đơn anh Lê Ngọc Th và bà Lê Thị N khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa yêu cầu bị đơn là anh Phạm Ngọc T, bà Trần Thị L trả tổng số tiền nợ là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) không tính lãi suất cho vợ chồng anh Th. Do đó đây là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Do chị Trần Thị L đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nên Tòa án đã tiến hành trực tiếp giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chồng là anh Phạm Ngọc T, anh T đã nhận và đã giao đầy đủ cho chị L, chị L đã được biết và được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn cũng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại UBND xã Đông Nam, huyện Đông Sơn theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn chị L vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không lý do. Như vậy, mặc dù chị L và anh T đã được Tòa án thông báo tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hai lần nhưng các bị đơn (Phạm Ngọc T – Trần Thị L) đều không tham gia mà không có lý do chính đáng, đồng thời chị L vắng mặt lần thứ 1 tại phiên tòa xét xử mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến phiên tòa ngày 17/5/2023 thì chị L có mặt tại phiên tòa để xét xử vụ án. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc Th trình bày: Qua mối quan hệ quen biết, nên ngày 28/12/2015 vợ chồng anh Lê Ngọc Th, Lê Thị N có cho vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L vay số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Anh T, chị L có viết giấy vay tiền, thời hạn vay từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/6/2016. Vợ chồng anh T, chị L cam kết sẽ có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền cho vợ chồng anh. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn 06 năm nhưng vợ chồng anh T, chị L chỉ trả cho vợ chồng anh được số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn). Số tiền còn lại 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) thì vợ chồng anh T, chị L vẫn chưa thanh toán.

Bị đơn là anh Phạm Ngọc T, chị cũng thừa nhận việc vợ chồng anh có viết giấy vay tiền để vay vợ chồng anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) và đã trả được số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Số tiền còn lại là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Vợ chồng anh hiện nay đang gặp khó khăn nên chưa có điều kiện để trả cho vợ chồng anh Th.

Như vậy, có cơ sở xác định rằng vợ chồng anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N đã cho vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L vay số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng). Vợ chồng anh Phạm Ngọc T đã trả được số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Do đó, vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L còn nợ của vợ chồng anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N tổng số tiền là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Việc anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N khởi kiện đòi anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Căn cứ: khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 165 - Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 155, 166, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N.

- Buộc anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L phải trả cho anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N tổng số tiền là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Anh Phạm Ngọc T, chị Trần Thị L phải chịu 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Ngọc Th, chị Lê Thị N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 4.375.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) anh, chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005663 ngày 26/12/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hà